

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 499/2026/HS-ST
Ngày: 14 – 4 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Ngọc Dương

2. Đinh Thị Tuyết Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Trang – Thư ký **Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 302/2026/HSST ngày 06 thng 3 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 179/2026/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 3 năm 2026, đối với bị cáo:

Nguyễn Thanh X, sinh năm 1993, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, (nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk)**; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Thiết kế đồ họa; con ông **Nguyễn V** và bà **Trần Thị N**; bị cáo là con thứ hai trong gia đình có 03 anh em; Có vợ là **Võ Thị L**, sinh năm 1995 và 03 con, lớn nhất sinh năm 2018, nhỏ nhất sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

Ngày 31/10/2014, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 1 - tỉnh Đắk Lắk) tuyên phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Đã chấp hành xong án phạt tù ngày 07/4/2015. Đã chấp hành xong thi hành án dân sự.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 22/10/2024 đến nay - Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Chị **Nguyễn Thị Hòa K**, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Số A, Đường số H, Khu phố I, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường L, Thành phố Hồ Chí Minh) – Có đơn đề nghị vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thanh X (sinh năm 1993) và chị Nguyễn Thị Hòa K (sinh năm 1996) có mối quan hệ tình cảm với nhau từ tháng 07/2024. Khoảng 09 giờ 00 phút ngày 22/9/2024, X điều khiển xe mô tô biển số 59Y1-159.92 đến nhà chị K tại địa chỉ 1, Đường H, Khu phố I, phường L, thành phố T (nay là phường L), Thành phố Hồ Chí Minh chơi. Tại đây, X nói chị K đi chợ mua tôm và bia về để ăn, chị K đồng ý và đi mua đồ. Do không thấy chị K đeo chiếc nhẫn X mua tặng nên X mở tủ gỗ trong phòng chị X để tìm thì thấy ngăn trên bên trong tủ gỗ có nhiều túi đựng đồ, X lấy 01 túi xách da màu nâu để dưới nền nhà mở ra xem thấy bên trong có 01 bịch nylon màu đen bên trong có 04 miếng vàng được bọc nhựa bên ngoài và 01 hộp màu đen bên trong có 01 sợi dây chuyền màu vàng. X lấy tất cả bỏ vào trong túi quần phía trước bên phải. Sau khi ăn uống với chị K xong X đi về nhà. Đến khoảng 20 giờ 00 phút ngày 24/9/2024, sau khi đi làm về X ghé vào tiệm V1” tại số G, đường N, phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh do anh Nguyễn Văn Q làm chủ bán 01 miếng kim loại màu vàng được 68.000.000 đồng. Đến khoảng 20 giờ 00 phút ngày 26/9/2024, X đến tiệm V2” số 426, P, Phường I, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh do anh Trần Duy H làm chủ bán 01 miếng kim loại màu vàng được 67.500.000 đồng. Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 27/9/2024, X đến tiệm V3” số Kiosque 10, chợ P, đường P, Phường D, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh do chị Nguyễn Thị Cẩm T (sinh năm 1957) làm chủ bán 01 miếng kim loại màu vàng được 58.000.000 đồng. Đến khoảng 20 giờ 00 phút ngày 28/9/2024, X đến tiệm V4” số A, đường Đ, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh do anh Nguyễn Tấn N1 làm chủ bán 01 sợi dây chuyền màu vàng được 3.200.000 đồng. Đến khoảng 19 giờ 00 phút ngày 29/9/2024, X đến tiệm V5” số 1336, đường Q, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh do chị Đặng Thị Ái N2 làm chủ bán 01 miếng kim loại màu vàng được 68.700.000 đồng. Tổng cộng số tiền X bán vàng được 265.400.000 đồng và X sử dụng mua các vật dụng thiết bị quảng cáo: sơn, trả tiền nhân công, phụ kiện trang trí và tiêu xài cá nhân hết. Ngày 08/10/2024, chị K phát hiện bị mất tài sản nên đến Công an phường L trình báo bị mất 05 lượng vàng SJC và 01 sợi dây chuyền vàng tuy nhiên chị K không còn hóa đơn mua vàng, không nhớ đặc điểm số vàng bị mất trộm. Cơ quan điều tra đã tiến hành đưa X về trụ sở làm việc. Tại Cơ quan điều tra, X chỉ khai nhận lấy trộm 04 lượng vàng SJC và 01 sợi dây chuyền vàng.

Kết luận định giá tài sản số 44-KV3/KL-HĐĐGTS ngày 16/10/2024 của Hội đồng định giá trong tố tụng Hình sự thành phố T kết luận:

- 05 lượng vàng SJC có tổng trị giá 405.000.000 đồng.
- 01 sợi dây chuyền vàng 610, trọng lượng 01 chỉ có trị giá 4.947.000 đồng

Kết luận định giá tài sản số 20/KL-HĐĐGTS ngày 02/10/2025 của Hội đồng định giá trong tố tụng Hình sự Ủy ban nhân dân phường L kết luận: 04 lượng vàng SJC có tổng trị giá là 340.000.000 đồng.

*** Thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật và xử lý vật chứng vụ án:** Không.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Nguyễn Thị Hòa K yêu cầu X bồi thường 403.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số: 360/CT-VKSKV2 ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố Nguyễn Thanh X về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025), xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh X từ .10 (mười) năm đến 11 (mười một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 22/10/2024.

Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Lời nói sau cùng: Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi theo cáo trạng của Viện kiểm sát và luận tội của Kiểm sát viên, không tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án này đều đúng pháp luật.

[2] Xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình, lời khai của bị cáo phù hợp lời khai của bị hại, bản ảnh, biên bản thực nghiệm điều tra, vật chứng thu giữ... cùng các tài liệu, chứng cứ mà Cơ quan điều tra đã thu thập được trong quá trình điều tra về hành vi, thời gian, địa điểm xảy ra tội phạm, phù hợp với cáo trạng của Viện kiểm sát nên có cơ sở xác định:

Khoảng 09 giờ 00 phút ngày 22/9/2024, tại địa chỉ 1, Đường số H, Khu phố I, phường L, thành phố T (nay là phường L), Thành phố Hồ Chí Minh, Nguyễn

Thanh X đã thực hiện hành vi lén lút lấy trộm 04 miếng vàng SJC, 01 sợi dây chuyền màu vàng có tổng trị giá 344.947.000 đồng của chị **Nguyễn Thị Hòa K** sau đó bị bắt.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất an ninh trật tự tại địa phương, gây ảnh hưởng xấu đến an toàn xã hội. Bị cáo có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng lười lao động lại muốn có tiền tiêu xài nên đã cố ý, lén lút chiếm đoạt tài sản có giá trị 344.947.000 đồng của bị hại. Hành vi của bị cáo thỏa mãn đầy đủ các yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025). Do đó cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt:

Tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị 344.947.000 đồng nên hành vi của bị cáo bị đưa ra xét xử theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025).

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: Xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025).

Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nên cần xử phạt bị cáo với mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội thêm một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại đơn xác định yêu cầu bồi thường thiệt hại ngày 09/4/2026, bị hại chị **Nguyễn Thị Hòa K** yêu cầu bị cáo bồi thường tổng số tiền 344.947.000 đồng, bao gồm: 04 lượng vàng SJC có tổng trị giá 340.000.000 đồng theo Kết luận định giá tài sản số 20/KL-HĐĐGTS ngày 02/10/2025 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự; và 01 sợi dây chuyền vàng 610, trọng lượng 01 chỉ, trị giá 4.947.000 đồng theo Kết luận định giá tài sản số 44-KV3/KL-HĐĐGTS ngày 16/10/2024 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự **thành phố T**.

Xét thấy các tài sản nêu trên thuộc quyền sở hữu hợp pháp của chị **K**; tại phiên tòa, bị cáo cũng đồng ý bồi thường số tiền này cho bị hại, nên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu bồi thường của bị hại.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thanh X** 09 (chín) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ 22/10/2024.

2. Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, Điều 584; Điều 585; Điều 586 và Điều 587 của Bộ luật Dân sự năm 2015:

Buộc bị cáo **Nguyễn Thanh X** bồi thường cho chị **Nguyễn Thị Hòa K** số tiền 344.947.000 đồng, bồi thường một lần, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 17.247.350 (*mười bảy triệu hai trăm bốn mươi bảy nghìn ba trăm năm mươi*) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Công an TP. Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – TP. HCM;
- Phòng PV06, PC10 - Công an Tp. Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Hiếu